

LD VIETSOVPETRO
TRƯỜNG BAN DDTT

K/g: D/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 13/04/2026

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		RP1+BK16+CTK3	7:25	15+0+7	0+0		1+11+10	0+0	
2		BK9+CLO+CTK3	7:25	1+0+21	0+0+0		0+0+22	0+0+0	Chuyến 1 CLO-CTK3
3		PPD+GTCL+BK16	9:25	12+4+5	0+0+0		9+4+9	0+0+0	
4		AMD+CTK3	9:25	16+5	0+0		15+7	0+0	
5		RP1+PPD	11:25	8+14	0+0		4+18	0+0	

TTBDSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.
1/ 3 người RP1 đi về trong ngày



FLIGHT MANIFEST



DATE: 13/04/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 07:30
B.CARD: XANH-1	TO: RP1 - BK16 - CTK3	CREW: XHOÀN - SON - DTÙNG	ETA: 09:20
VSP FLIGHT: 1		VNHS FLIGHT: TM26/1607	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	VU VAN TOAN	RP1	41	1	4			73	D-HANH	Vietnamese
2	NGUYEN QUANG THANG	RP1	39	1	4			78	KH-THAC	Vietnamese
3	PHAM HAI KIEN	RP1						78	KHI	Vietnamese
4	NGUYEN BA SON	RP1	42-43	2	14			65	XAYLAP	Vietnamese
5	BAGNYUKOV ALEXEY	RP1	37	1	7			95	XAYLAP	Russian
6	LUU MINH TUAN	RP1	35-36	2	10			82	NIPI	Vietnamese
7	TRAN KHOA TRUONG	RP1	40	1	10			79	NIPI	Vietnamese
8	TRAN VAN LINH	RP1	38	1	4			75	NIPI	Vietnamese
9	NGUYEN QUANG TU	RP1						69	DUY LINH	Vietnamese
10	TRAN TUAN ANH	RP1	31	1	9			75	CODIEN	Vietnamese
11	DO VAN THANH	RP1	34	1	6			88	CODIEN	Vietnamese
12	CAO HOAI THUONG	RP1	33	1	9			63	CODIEN	Vietnamese
13	VUONG QUOC VIET	RP1	32	1	10			59	CODIEN	Vietnamese
14	ĐANG TUAN ANH	RP1	28	1	11			83	CODIEN	Vietnamese
15	NGUYEN MINH TIEN	RP1	29-30	2	16			76	CODIEN	Vietnamese
16	NGUYEN HOAI VU	CTK3	01	1	3	3	47	65	D-HANH	Vietnamese
17	BOGDANOV EVGENI	CTK3	04	1	6			82	KH-THAC	Russian
18	TRINH QUOC HUY	CTK3	05	1	4			67	KH-THAC	Vietnamese
19	VU CONG KHANG	CTK3	06	1	5			60	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYEN HONG ANH	CTK3	03	1	5			58	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYEN TIEN DUNG	CTK3	02	1	3			72	KH-THAC	Vietnamese
22	NGUYEN BAC HA	CTK3	11-12	2	13			63	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	RP1	15	1.138	16	114	0	0	1		
2	BK16	0	0	0	0	1	20	11		
3	CTK3	7	467	8	39	3	47	10		
TOTAL		22	1.605	24	153	4	67	22		
WEIGHT KG			1.605		153		67			

GRAND TOAL: 1.825 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

NGUYỄN MAI PHI

CREW

ĐỖ XUÂN HOÀN
PHẠM THÁI SƠN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 13/04/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 07:35
B.CARD: CAM - 1	TO: BK9 - CLO - CTK3	CREW: HUNG - N.ANH - TOAN	ETA: 09:25
VSP FLIGHT: 2		VNHS FLIGHT: TM26/1611	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	TRẦN NGUYỄN MẠNH TUƠNG	BK9	72-74	3	16	2	35	67	KH-THAC	Vietnamese
2	LÊ CẢNH HUNG	CTK3	77	1	7			65	KH-THAC	Vietnamese
3	ĐAM VĂN THÀNH	CTK3	80	1	3			67	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN VĂN PHONG	CTK3	74	1	3			65	KH-THAC	Vietnamese
5	TRẦN VINH PHƯƠNG	CTK3	76	1	6			69	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN NGỌC CHÂN	CTK3	98,300	2	12			76	KH-THAC	Vietnamese
7	TRẦN TRỌNG SƠN	CTK3	04	1	6			86	KH-THAC	Vietnamese
8	PHAN DUY LONG	CTK3	01,39	2	17			60	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN QUÝ TÀI	CTK3	99	1	15			61	KH-THAC	Vietnamese
10	PHẠM VĂN DƯ	CTK3	74	1	7			59	KH-THAC	Vietnamese
11	LÊ THÀNH CHUNG	CTK3				2	40	75	KH-THAC	Vietnamese
12	NGÔ QUANG THẮNG	CTK3	77	1	7			82	KH-THAC	Vietnamese
13	PHÙNG ĐÌNH HAI	CTK3	75-76	2	13			83	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN TRỌNG LINH	CTK3	73	1	7			58	KH-THAC	Vietnamese
15	TRẦN ĐOÀN TUẤN MINH	CTK3	75	1	6			88	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN VĂN HOÀNG	CTK3	77	1	6			81	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN MINH ĐIỆN	CTK3	78	1	4			68	KH-THAC	Vietnamese
18	PHẠM HỒNG SƠN (10908)	CTK3	78-79	2	22			63	KH-THAC	Vietnamese
19	ĐỖ VĂN CÔNG	CTK3	100	1	11			73	KH-THAC	Vietnamese
20	LÊ VĂN CƯỜNG	CTK3	01-02	2	19			62	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYỄN MẠNH HUNG	CTK3	05	1	9			79	KH-THAC	Vietnamese
22	NGUYỄN QUỐC TUẤN	CTK3	03	1	6			63	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	BK9	1	67	3	16	2	35	0		
2	CLO	0	0	0	0	1	20	0 +1		CHUYEN I CLO - CTK3
3	CTK3	21	1.483	25	186	2	40	22		
TOTAL		22	1.550	28	202	5	95	22		
WEIGHT KG			1.550		202		95			

GRAND TOAL: 1.847 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

NGUYỄN THỊ KIỀU THU

CREW

LÊ QUÝ HUNG
NGHIÊM VIỆT ANH





FLIGHT MANIFEST



DATE: 13/04/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 09:50
B.CARD: TRANG-2	TO: PPD - GTC1 - BK16	CREW: KHOÀN - SON - DTÙNG	ETA: 11:40
VSP FLIGHT: 3		VNHS FLIGHT: TM26/1608	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	DƯƠNG ĐẠI THẮNG	PPD	30	1	7			76	KH-THAC	Vietnamese
2	HA THANH TÙNG	PPD	24-25	2	16			89	KH-THAC	Vietnamese
3	BUI HUU HUÂN	PPD	26	1	6	2	30	68	KH-THAC	Vietnamese
4	VU CHI KIẾN	PPD						77	KH-THAC	Vietnamese
5	VÔ HỒ HẢI	PPD	28	1	2			65	KH-THAC	Vietnamese
6	NGÔ VIỆT ANH	PPD	20-21	2	7	1	27	74	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN HUU HAO	PPD	31	1	7			76	KHI	Vietnamese
8	VU MẠNH HÙNG	PPD	29	1	7			80	KHI	Vietnamese
9	LE QUANG NINH	PPD						67	KHI	Vietnamese
10	NGUYỄN TRƯỜNG GIANG	PPD	27	1	2			57	KH-THAC	Vietnamese
11	TÔ QUỐC THỊNH	PPD	22	1	8			56	KH-THAC	Vietnamese
12	LE SINH TÂM	PPD	23	1	5			96	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN PHI KHAI HOÀN	GTC1	43	1	4			68	KH-THAC	Vietnamese
14	TRẦN VĂN HÙNG	GTC1				1	20	81	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN NGHĨA TÍN	GTC1	44	1	12			80	KH-THAC	Vietnamese
16	PHẠM VĂN TUYẾN	GTC1						68	KH-THAC	Vietnamese
17	HOANG NGỌC TÙNG	BK16	95	1	7			66	KH-THAC	Vietnamese
18	ĐÀO KIM CƯỜNG	BK16	94	1	3			57	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYỄN SƠN TÙNG	BK16	96	1	7			79	KH-THAC	Vietnamese
20	LIU ĐỨC TUÂN	BK16	92-93	2	8			90	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYỄN THANH SƠN	BK16	91	1	6			66	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	PPD	12	881	12	67	3	57	9		
2	GTC1	4	297	2	16	1	20	4		
3	BK16	5	358	6	31	0	0	9		
TOTAL		21	1.536	20	114	4	77	22		
WEIGHT KG			1.536		114		77			

GRAND TOAL: 1.727 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

LẠI HỒNG ĐIỆP

CREW

ĐỖ XUÂN HOÀN

PHẠM THÁI SƠN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 13/04/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 09:55
B.CARD: CAM-2	TO:AMD - CTK3	CREW: HUNG - N.ANH - TOAN	ETA: 11:45
VSP FLIGHT: 4		VNHS FLIGHT: TM26/1612	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	NGUYEN VO BA LINH	AMD	06-07	2	15	2	21	76	HLJOC	Vietnamese
2	TRINH BICH NGOC	AMD	04-05	2	14			66	TLJOC	Vietnamese
3	TRAN LE HOA	AMD	13	1	10			59	KH-THAC	Vietnamese
4	PHAM NGOC TUAN	AMD	19	1	3			54	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYEN XUAN PHUONG	AMD	08-09	2	8			59	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYEN ANH KHOA	AMD	01	1	3			60	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYEN DUC THIEN	AMD	21	1	5			67	KH-THAC	Vietnamese
8	DUONG MINH BAC	AMD	16-17	2	13	1	6	81	KH-THAC	Vietnamese
9	BUI TRAN LIEM	AMD	02	1	5			63	KH-THAC	Vietnamese
10	TRAN VAN QUYET	AMD	20	1	2			72	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYEN MINH HOANG	AMD	14-15	2	19			82	KH-THAC	Vietnamese
12	LE QUOC HUY	AMD	10-12	3	12			89	KH-THAC	Vietnamese
13	CHE NGOC TU	AMD	98,4000	2	20			77	XAYLAP	Vietnamese
14	NGUYEN LAM THANG	AMD	03	1	4			81	PSV	Vietnamese
15	NGUYEN THANH SU	AMD	99	1	4			61	PSV	Vietnamese
16	DO VAN BINH	CTK3	08	1	3			72	KH-THAC	Vietnamese
17	DO HUU DUC	CTK3	10	1	13			92	KH-THAC	Vietnamese
18	PHAM THANH HAI (17773)	CTK3	07	1	4			64	KH-THAC	Vietnamese
19	TRAN QUOC KHIEM	CTK3	21	1	8			92	KH-THAC	Vietnamese
20	TRAN VAN TUYEN	CTK3	09	1	10			65	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	AMD	15	1.047	23	137	3	27	15		
2	CTK3	5	385	5	38	0	0	7		
TOTAL		20	1.432	28	175	3	27	22		
WEIGHT KG			1.432		175		27			

GRAND TOAL: 1.634 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

BÙI THỊ HIỀN LƯƠNG

CREW

LÊ QUÝ HƯNG
NGHIÊM VIỆT ANH





FLIGHT MANIFEST



DATE: 13/04/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 12:10
B.CARD: XANH-3	TO: RPI - PPD	CREW: VIỆT - MTHAO - NNAM	ETA: 14:00
VSP FLIGHT: 5		VNHS FLIGHT: TM26/1609	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	NGUYỄN ĐỨC QUANG	RPI	25	1	9			64	XAYLAP	Vietnamese
2	PHẠM HOÀI NAM	RPI	23	1	7			80	XAYLAP	Vietnamese
3	VŨ MẠNH THĂNG	RPI	26	1	9	1	14	58	XAYLAP	Vietnamese
4	ĐOÀN VĂN TRƯỜNG	RPI	21-22	2	12			72	XAYLAP	Vietnamese
5	QUAN HỒNG QUANG	RPI	18	1	9			71	XAYLAP	Vietnamese
6	ĐỖ XUÂN CÔNG	RPI	27	1	6	1	18	48	SGC	Vietnamese
7	LÊ VĂN ĐỨC	RPI	24	1	4			61	SGC	Vietnamese
8	LÊ MINH NGỌC	RPI	19-20	2	17			79	XAYLAP	Vietnamese
9	ĐẶNG XUÂN HAI	PPD	38	1	9			64	KH-THAC	Vietnamese
10	PHAN HOÀI BẢO	PPD	39-40	2	14			75	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN VĂN HÀ	PPD	41	1	6			70	KH-THAC	Vietnamese
12	ĐẶNG ĐÌNH HOA	PPD	43	1	6			57	KH-THAC	Vietnamese
13	ĐÀO XUÂN TỬ	PPD	50	1	4			68	KH-THAC	Vietnamese
14	VŨ VĂN LINH	PPD	45	1	9			70	KH-THAC	Vietnamese
15	LUƠNG VĂN TĂNG	PPD	35	1	5			65	KH-THAC	Vietnamese
16	PHAN QUANG HOÀ	PPD	42	1	4			68	KH-THAC	Vietnamese
17	LUƠNG QUANG THƯỜNG	PPD	36	1	10	1	14	67	KH-THAC	Vietnamese
18	PHẠM THANH QUANG	PPD	48-49	2	17			77	KH-THAC	Vietnamese
19	BUI NGOC DUNG	PPD	46	1	7			58	KH-THAC	Vietnamese
20	TRỊNH VĂN THUY	PPD	47	1	9			69	CODIEN	Vietnamese
21	LÊ VĂN THOÀ	PPD	44	1	10			80	CODIEN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	RPI	8	533	10	73	2	32	4		
2	PPD	13	888	15	110	1	14	18		
TOTAL		21	1.421	25	183	3	46	22		
WEIGHT KG			1.421		183		46			

GRAND TOAL: 1.650 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

NGUYỄN MAI PHI

CREW

NGUYỄN QUANG VIỆT

MAI VĂN THAO